TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 9-5-2025
V/v Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Yên

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đạt Thông
2. Ông Nguyễn Trần Đông

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Minh Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 05 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm là phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện D và điểm cầu thành phần là phòng trực tuyến của Ủy ban nhân dân xã L, huyện D xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số 183/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc *"Ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Thạch Thị Huyền T, sinh năm 1995. (có mặt).
Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1997. (vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: ấp C, xã K, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thạch Thị Huyền T trình bày:

Vào năm 2019, chị Thạch Thị Huyền T và chồng tên Huỳnh Văn H do quen biết đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh năm 2019. Sau khi cưới nhau vợ chồng sinh sống tại ấp K, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Quá

trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Gia P, sinh ngày 14/12/2020. Thời gian đầu cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, anh H không quan tâm chăm lo cho gia đình. Nay tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn H.

- *Về con chung*: Có 01 con chung Huỳnh Gia P, sinh ngày 14/12/2020. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con.

- *Về cấp dưỡng:* Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H có đơn xin vắng mặt do bận công việc, Toà án đã nhận được bản tự khai của anh H nộp yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật và đồng ý với yêu cầu của chị T.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Thạch Thị Huyền T giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu giải quyết về hôn nhân, nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án, không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn anh Huỳnh Văn H, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thủ tục thụ lý hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt cho các đương sự đầy đủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về án phí:* Buộc chị Thạch Thị Huyền T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị T khởi kiện anh Huỳnh Văn H yêu cầu ly hôn, và yêu cầu quyền được nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Anh Huỳnh Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên tòa, anh Hạnh có đơn xin xét xử vắng mặt và có làm bản tự khai cung cấp cho Toà án giải quyết theo quy định pháp luật, ngoài ra anh Hạnh không còn yêu cầu nào khác, không có yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là vụ án ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Huỳnh Văn H có địa chỉ cư trú tại ấp C, xã K, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng**:** Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thạch Thị Huyền T có mặt; bị đơn anh Huỳnh Văn H vắng mặt, có lý do vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Huỳnh Văn H theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Huyền T:

[3.1] Về hôn nhân: Chị T và anh H xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh năm 2019. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị T và anh H đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ vào các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị T và anh H là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị T khai nhận: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, anh H không quan tâm, chăm lo cho gia đình, anh H bỏ nhà đi từ tháng 7 năm 2022 đến nay không về gia đình.

Xét thấy gia đình là tế bào xã hội. Vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và bền vững. Quá trình chung sống giữa chị T và anh H chưa thống nhất với nhau về quan điểm sống, về ứng xử giao tiếp; đáng lẽ khi mâu thuẫn xảy ra anh chị phải ngồi lại tìm phương án để giải quyết mọi vấn đề bất đồng phát sinh nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình, nhưng khi xảy ra mâu thuẫn anh chị bỏ mặt không quan tâm đến hạnh phúc mà anh chị đã xây dựng, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn lại với nhau, tuy nhiên anh H xin vắng mặt.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung**:** Quá trình chung sống với nhau chị T và anh H có 01 con chung tên Huỳnh Gia P, sinh ngày 14/12/2020. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, anh H đồng ý để chị T được nuôi con. Do đó chị T và anh H đồng ý thoả thuận về con chung, không có tranh chấp nuôi con.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con**:** Toà án đã giải thích người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng chị T và anh H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[3.4] Về tài sản và nợ chung**:** Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

[4] Về án phí**:** Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Thạch Thị Huyền T được ly hôn với anh Huỳnh Văn H.

2. Về con chung: Chị T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Gia P, sinh ngày 14/12/2020.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Thạch Thị Huyền T phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng chị T đã nộp theo biên lai số 0014608 ngày 28 tháng 02 năm 2025 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện D thu.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện D;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Yên